

Bản án số: 34/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 11/9/2020
V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Huỳnh Văn Hiền;
2/ Bà Ngô Thị Kim Ngân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Dung là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Tuyết Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2020/TLST – HNGĐ, ngày 10 tháng 3 năm 2020 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2020/QĐXXST- HNGĐ, ngày 18 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2020/QĐST - HNGĐ, ngày 03 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị Tuyết T

Địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Anh Đỗ Quốc H

Địa chỉ: Thôn M, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội (CSXH)

Địa chỉ: Tòa nhà C5, khu Bán Đảo Linh Đàm, quận Hoàng Mai, T.p Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Q Thắng; chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh N; Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện M theo Quyết định ủy quyền số: 7300/QĐ – NHCS, đề ngày 19/9/2019 của Tổng giám đốc Ngân hàng CSXH.

Địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn M, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/3/2020; các lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Đoàn Thị Tuyết T trình bày:

Chị và anh Đỗ Quốc H kết hôn năm 1997, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Trần Hưng Đ, thị xã Q, tỉnh Quảng Ngãi. Vợ chồng chung sống với nhau hơn 20 năm, đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, anh H thường xuyên đánh đập chị, chị đã cố gắng duy trì mối quan hệ vợ chồng nhưng hiện nay anh H có quan hệ với người phụ nữ khác nên từ tháng 6/2019 chị về quê ở huyện B để sinh sống. Nay, tình cảm giữa chị và anh H không còn, chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện M giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung tên Đỗ Việt C, sinh năm 1998 và Đỗ Thị Bích T, sinh năm 1999, các con đã thành niên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Vào năm 2019 vợ chồng chị có vay và hiện còn nợ của Ngân hàng CSXH, phòng giao dịch huyện M, tỉnh Quảng Ngãi số tiền 30.000.000đ. Khi ly hôn chị yêu cầu tự trả số tiền nợ trên và không yêu cầu anh Hùng cùng trả nợ.

Tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 04/8/2020 bị đơn là anh Đỗ Quốc H trình bày:

Anh và chị Đoàn Thị Tuyết T có đăng ký kết hôn tại UBND phường Trần Hưng Đ, thị xã Q vào năm 1997 và có hai con chung như chị T trình bày, vợ chồng sống chung không có mâu thuẫn gì, chị T tự ý bỏ nhà đi đến nay không về nhà, nay yêu cầu ly hôn anh, anh không đồng ý, chị T muốn làm gì làm.

Về phần nợ chung số tiền 30.000.000đ tại Ngân hàng CSXH thì chị T phải tự trả, anh không đồng ý trả nợ vì anh không sử dụng khoản tiền này.

Theo đơn khởi kiện ngày 10/6/2020 và các lời khai tại Tòa án đại diện Ngân hàng CSXH - Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện M trình bày:

Ngày 11/8/2019, Ngân hàng CSXH - Phòng giao dịch ngân hàng CSXH huyện M có giải ngân cho chị Đoàn Thị Tuyết T đại diện hộ gia đình đứng tên vay vốn của Ngân hàng với số tiền là 30.000.000đ theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay để chăn nuôi bò sinh sản, thời hạn vay là 36 tháng hạn trả nợ cuối cùng là vào ngày 11/8/2022; lãi suất cho vay là 7,92%/năm. Quá trình thực hiện hợp đồng chị T không vi phạm nhưng nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tính đến ngày xét xử sơ thẩm chị T còn nợ Ngân hàng 30.000.000đ nợ gốc và 201.800đ nợ lãi tính

đến ngày 11/9/2020. Nếu trong quá trình xét xử mà chị có ý kiến tự nguyện trả số tiền nợ trên cho Ngân hàng và không yêu cầu chồng chị là anh Đỗ Quốc H cùng trả nợ chung thì Ngân hàng đồng ý thống nhất cho chị T trả hết số nợ gốc và lãi cho Ngân hàng.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của chị T là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử cho chị T được ly hôn anh H; chị T không yêu giải quyết nuôi con chung vì đã thành niên nên không xem xét; về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Chị T có nghĩa vụ trả toàn bộ nợ cho Ngân hàng CSXH - phòng giao dịch huyện M số tiền nợ gốc là 30.000.000đ và số tiền lãi tính đến ngày 11/9/2020 là 201.800đ và tiếp tục trả lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận. Ngoài ra, đương sự còn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Các đương sự trong vụ án có bị đơn là anh Đỗ Quốc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị Tuyết T và anh Đỗ Quốc H kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào năm 1997, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Trần Hưng Đ, thị xã Q, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H là hợp pháp.

Chị T cho rằng: Quá trình chung sống giữa chị và anh H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh H thường xuyên uống rượu về kiểm chuyện gây gổ, đánh đập chị, nay anh H còn có mối quan hệ với người phụ nữ khác nên cuộc sống hôn nhân của chị không hạnh phúc; anh H cho rằng giữa anh và chị T sống chung không có mâu thuẫn gì, chị T tự bỏ nhà đi, nay yêu cầu ly hôn anh, anh không đồng ý. HĐXX xét thấy, cuộc sống hôn nhân của anh chị không có hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không

đạt được, theo Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình....”, trong khi đó, cuộc sống hôn nhân giữa anh chị có nhiều mâu thuẫn diễn ra trong thời gian dài; vợ chồng không còn thương yêu, tôn trọng nhau, hiện nay anh chị không còn chung sống với nhau nữa. Mặc dù, anh H không đồng ý ly hôn nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tạo mọi điều kiện hòa giải để anh chị đoàn tụ nhưng anh H không một lần đến Tòa và anh cũng không có biện pháp cụ thể nào để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, anh H có ý bỏ mặt...điều đó chứng tỏ cuộc sống hôn nhân của anh chị đã quá trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh H có 02 con chung tên Đỗ Việt C, sinh năm 1998 và Đỗ Thị Bích T, sinh năm 1999, các con đã thành niên, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung nên HĐXX không xem xét giải quyết việc nuôi dưỡng con chung.

[2.3] Về tài sản chung: Chị T trình bày không có, không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Chị T thừa nhận hiện nay vợ chồng chị có nợ Ngân hàng CSXH - Phòng giao dịch ngân hàng CSXH huyện M số tiền nợ gốc là 30.000.000đ và 201.800đ nợ lãi. Chị tự nguyện trả toàn bộ số nợ trên cho Ngân hàng mà không yêu cầu anh H cùng trả. HĐXX xét thấy, ngày 11/8/2019 Ngân hàng CSXH - Phòng giao dịch ngân hàng CSXH huyện M có giải ngân cho chị Đoàn Thị Tuyết T đại diện hộ gia đình đứng tên vay vốn của Ngân hàng với số tiền là 30.000.000đ theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay để chăn nuôi bò sinh sản, thời hạn vay là 36 tháng hạn trả nợ cuối cùng là vào ngày 11/8/2022; lãi suất cho vay là 7,92%/năm. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị T có ý kiến tự nguyện trả toàn bộ số nợ trên cho Ngân hàng và Ngân hàng đồng ý là phù hợp theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự nên được HĐXX chấp nhận, theo đó chị T có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền nợ là 30.201.800đ cho Ngân hàng CSXH - phòng giao dịch huyện M, trong đó: 30.000.000đ nợ gốc; nợ lãi tính đến ngày 11/9/2020 là 201.800đ và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ theo mức lãi suất được thỏa thuận.

[2.5] Về án phí: Căn cứ vào Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, khoản 2 Điều 26 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14. Nguyên đơn là chị Đoàn Thị Tuyết T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên chị T phải chịu án phí về hôn nhân số tiền là 300.000đ, ngoài ra chị T còn chịu án phí về nghĩa vụ trả nợ; cụ thể: $30.201.800đ \times 5\% = 1.510.090đ$. Tổng cộng chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 1.810.090đ nhưng chị T đã nộp tạm ứng án phí số

tiền 300.000đ nên được khấu trừ, chị T còn phải tiếp tục chịu án phí số tiền 1.510.090đ. Ngân hàng CSXH không phải chịu tiền án phí.

- Ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

- Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 235, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 465, 466, 467 và 668 Bộ luật dân sự; các Điều 37, 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 6, khoản 2 Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị Tuyết T

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị Tuyết T được ly hôn anh Đỗ Quốc H.
2. Về con chung: Các con chung đã thành niên, đương sự không yêu cầu nên HĐXX không giải quyết.
3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu nên HĐXX không giải quyết.
4. Về nợ chung: Chị Đoàn Thị Tuyết T có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền nợ là 30.201.800đ (*Ba mươi triệu hai trăm lẻ một nghìn tám trăm đồng*) cho Ngân hàng CSXH - Phòng giao dịch huyện M, trong đó: 30.000.000đ nợ gốc; nợ lãi tính đến ngày 11/9/2020 là 201.800đ và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ theo mức lãi suất được thỏa thuận theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 07/8/2019.
5. Về án phí: Chị Đoàn Thị Tuyết T phải chịu 1.810.090đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0002571 ngày 10 tháng 3 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Quảng Ngãi, chị T còn phải tiếp tục chịu án phí số tiền 1.510.090đ (làm tròn 1.510.000đ) (*Một triệu năm trăm mười nghìn đồng*). Ngân hàng CSXH không phải chịu tiền án phí.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 11/9/2020), đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND phường Trần Hưng Đ, Tp Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Vân

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN-
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;
- Chi cục THADS huyện Mộ Đức;
- UBND xã Bình Định, h. Thăng Bình

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Bích Vân

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện Mộ Đức;
- UBND xã Đức Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Bích Vân

